

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN: Sinh học – Lớp 12

XXXXXXXX

I/ THỜI GIAN LÀM BÀI- HÌNH THỨC KIỂM TRA- CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận

- Cấu trúc: Tổng điểm: 10 điểm. Trong đó:

+ **Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 20 câu TNNLC = 5,0 điểm, mỗi câu 0.25 điểm.

+ **Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 2 câu = 2,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,75 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ **Phần III:** (Tự luận) gồm 3 câu = 3,0 điểm, mỗi câu 1,0 điểm.

II/ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN SINH LỚP 12:

A – TRẮC NGHIỆM 1 LỰA CHỌN ĐÚNG

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức							Tổng
		Nhận thức sinh học			Tìm hiểu thế giới sống		Vận dụng kiến thức kĩ năng		
		BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG	HIỂU	VẬN DỤNG	HIỂU	VẬN DỤNG	
		NT 1	NT 2 - NT 5	NT 6 - NT 8	TH 1 - TH 2	TH 3 - TH 5	VD 1	VD2	
1	Bài 20: Môi trường và các nhân tố sinh thái	1	1	1	1		1		5
2	Bài 21: Quần thể sinh vật	2	1			1	1	1	6

3	Bài 23: Quần xã sinh vật	2		1	1		1	1	6
4	Bài 25: Hệ sinh thái	1			1	1			3
Tổng số câu trắc nghiệm 1 chọn đúng									20
Tổng		10/20			5/20		5/20		20/40
Tỉ lệ		50%			25%		25%		50%

B – TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN ĐÚNG/SAI

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng	
		Nhận thức sinh học			Tìm hiểu thế giới sống		Vận dụng kiến thức kĩ năng		
		BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG	HIỂU	VẬN DỤNG	HIỂU		VẬN DỤNG
		NT 1	NT 2 - NT 5	NT 6 -NT 8	TH 1 - TH 2	TH 3 - TH 5	VD 1		VD2
1	Bài 20: Môi trường và các nhân tố sinh thái	1 câu/ 4 ý hỏi							
2	Bài 21: Quần thể sinh vật								
3	Bài 23: Quần xã sinh vật						1 câu/ 4 ý hỏi		
4	Bài 25: Hệ sinh thái								
Tổng câu trắc nghiệm 4 lựa chọn Đ/S		1			0	0	0		0
Tổng		4/8			0		4/8		
Tỉ lệ		10%			0%		10%		20%

C – TỰ LUẬN

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng	
		Nhận thức sinh học			Tìm hiểu thế giới sống		Vận dụng kiến thức kĩ năng		
		BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG	HIỂU	VẬN DỤNG	HIỂU		VẬN DỤNG
		NT 1	NT 2 - NT 5	NT 6 - NT 8	TH 1 - TH 2	TH 3 - TH 5	VD 1		VD2
1	Bài 20: Môi trường và các nhân tố sinh thái				1				1
2	Bài 21: Quần thể sinh vật								0
3	Bài 23: Quần xã sinh vật								0
4	Bài 25: Hệ sinh thái			1			1		2
Tổng số câu tự luận			0	1	1	0	1	0	3
Tổng		1			1		1		3
Tỉ lệ		10%			10%		10%		30%

III. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK2 MÔN SINH LỚP 12:

TT	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Bài 20: Môi trường và các nhân tố sinh thái	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm môi trường sống của sinh vật. - Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. - Phát biểu được khái niệm nhịp sinh học. Thông hiểu - Phân biệt được các nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh. - Lấy được ví dụ về tác động của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật và thích nghi của sinh vật với các nhân tố đó. - Trình bày được các quy luật về tác động của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật, như: giới hạn sinh thái; tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái; tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái. Vận dụng - Phân tích được những thay đổi của sinh vật có thể tác động làm thay đổi môi trường sống của chúng. - Giải thích được nhịp sinh học chính là sự thích nghi của sinh vật với những thay đổi có tính chu kì của môi trường. Vận dụng cao - Thiết kế được các bước tìm hiểu được nhịp sinh học của chính cơ thể mình.	1	2	2	1
2	Bài 21: Quần thể sinh vật	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật - Nêu được các đặc điểm tăng trưởng của quần thể				

TT	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		người. Thông hiểu - Lấy được ví dụ minh họa quần thể sinh vật. - Phân tích được các mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh trong quần thể. - Lấy được ví dụ minh họa mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh trong quần thể. - Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật (số lượng cá thể, kích thước quần thể, tỉ lệ giới tính, nhóm tuổi, kiểu phân bố, mật độ cá thể). - Lấy được ví dụ chứng minh sự ổn định của quần thể phụ thuộc sự ổn định của các đặc trưng đó. - Phân biệt được các kiểu tăng trưởng quần thể sinh vật (tăng trưởng theo tiềm năng sinh học và tăng trưởng trong môi trường có nguồn sống bị giới hạn). - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng quần thể, các kiểu biến động số lượng cá thể của quần thể. - Giải thích được cơ chế điều hòa mật độ của quần thể. - Phân biệt được ba kiểu đường cong sống sót của quần thể. - Phân tích được hậu quả của tăng trưởng dân số quá nhanh. - Phân tích được các ứng dụng hiểu biết về quần thể trong thực tiễn (trồng trọt, chăn nuôi, bảo tồn, ...).	2	2	2	0

TT	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Vận dụng - Giải thích được quần thể là một cấp độ tổ chức sống. - Tính được kích thước của quần thể thực vật và các động vật ít di chuyển trong điều kiện giả định. - Tính được kích thước của quần thể động vật theo phương pháp “bắt, đánh dấu, thả, bắt lại” trong điều kiện giả định.				
3	Bài 23: Quần xã sinh vật	Nhận biết: -Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. -Nêu được đặc trưng của quần xã sinh vật Thông hiểu: - Phân tích được đặc trưng “thành phần loài” gồm: loài ưu thế, loài đặc trưng, loài chủ chốt; -Phân tích được đặc trưng “chỉ số đa dạng và độ phong phú” trong quần xã. - Phân tích được đặc trưng cấu trúc không gian trong quần xã, cấu trúc chức năng dinh dưỡng, cạnh tranh, hợp tác, cộng sinh, hội sinh, ức chế cảm nhiễm, kí sinh, vật ăn thịt và con mồi, các loài trong quần xã. -Trình bày được khái niệm ổ sinh thái. - Trình bày được vai trò của cạnh tranh trong việc hình thành ổ sinh thái. -Phân tích được tác động của việc du nhập các loài ngoại lai hoặc giảm loài trong cấu trúc quần xã đến trạng thái cân bằng của hệ sinh thái. -Lấy được ví dụ minh họa về tác động của việc	1	2	2	1

TT	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		du nhập các loài ngoại lai hoặc giảm loài trong cấu trúc quần xã đến trạng thái cân bằng của hệ sinh thái. Vận dụng: - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ quần xã. - Giải thích được quần xã là một cấp độ tổ chức sống. - Tính được độ phong phú của loài trong quần xã giả định				
4	Bài 25. Hệ sinh thái	Nhận biết Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. - Trình bày được khái niệm chuỗi thức ăn. - Trình bày được khái niệm lưới thức ăn. - Trình bày được khái niệm bậc dinh dưỡng. Thông hiểu - Phân biệt được các thành phần cấu trúc của hệ sinh thái; - Phân biệt được các kiểu hệ sinh thái chủ yếu của Trái Đất, bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên, như: hệ sinh thái trên cạn, dưới nước và các hệ sinh thái nhân tạo. - Phân biệt được các loại chuỗi thức ăn. - Phân biệt được chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, bậc dinh dưỡng. Vẽ được sơ đồ chuỗi và lưới thức ăn trong quần xã. Vận dụng - Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn hệ sinh thái. - Thiết kế được một bể nuôi cá cảnh vận dụng hiểu biết hệ sinh thái hoặc thiết kế được hệ sinh thái thủy	1	2	2	0

TT	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		sinh, hệ sinh thái trên cạn. - Giải thích tại sao cần phải bảo vệ tài nguyên sinh học của các khu sinh học - Giải thích được ý nghĩa của nghiên cứu hiệu suất sinh thái và tháp sinh thái trong thực tiễn.				